TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2026
V*/v Ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Thạch Bồn; Ông Lê Văn Cam.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đào Thị Toan - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 143/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Bá Q, sinh ngày 26/2/1970, CCCD số: 030070006719 cấp ngày 10/8/2021; ĐKTT: Thôn V, xã T, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Số 17 H, xã V, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 30/3/1987, CCCD số: 036187003162 cấp ngày 11/01/2017; ĐKTT: Thôn V, xã T, thành phố Hải Phòng; Hiện đang ở Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn anh Lê Bá Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 02/4/2010 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã T, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn anh chị chung sống ở thôn T, xã V, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là thôn V, xã T, thành phố Hải Phòng) và ở cùng với bố mẹ đẻ anh. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì chị Đ đi sang Đài Loan lao động. Thời gian đầu thỉnh

thoảng chị Đ vẫn gọi điện về và gửi tiền để bố con anh trang trải cuộc sống, tuy nhiên sau đó do vợ chồng sống xa nhau, thiếu sự tin tưởng, dần dần giữa hai anh chị xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Từ khoảng cuối năm 2018 chị Đ không liên lạc về cho anh nữa, chặn số điện thoại của anh. Năm 2020 anh đăng ký tạm trú tại số 17, H, xã V, thành phố Hà Nội và đưa các con đến đó ở, để làm ăn sinh sống. Từ khi chị Đ đi nước ngoài đến nay chưa lần nào về nước thăm gia đình cũng không có trách nhiệm với các con. Đến nay anh nhận thấy mâu thuẫn của anh và chị Đ không thể khắc phục được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Do đó anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh và chị Đậu có 02 con chung là Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/7/2009 và Lê Hải N, sinh ngày 27/12/2013, hiện nay hai con đang ở cùng anh, anh xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh là anh trai của chị Nguyễn Thị Đ. Sau khi vợ chồng chị Đ kết hôn thì chung sống ở xã V, huyện C, tỉnh Hải Dương cũ. Đến năm 2017 chị Đ sang Đài Loan lao động. Anh Q ở nhà không tu chí làm ăn, tiêu pha hoang phí nên chị Đ không gửi nhiều tiền về nữa mà chỉ gửi đủ để anh Q nuôi con. Từ đó anh chị xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn liên hệ, không quan tâm đến nhau. Anh Q chặn liên lạc của chị Đ và cũng không đưa con về thăm gia đình bên ngoại. Về con chung: Chị Đ và anh Q có 2 con chung là Lê Nguyễn Ngọc T và Lê Hải N hiện các cháu đang ở với anh Q. Tòa án giao các văn bản tố tụng cho anh, anh đã thông tin cho chị Đ biết, chị Đ đang làm việc tại Đài Loan không thể về được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, chị Đ nhất trí ly hôn với anh Q.

Cháu Lê Nguyễn Ngọc T, Lê Hải N trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn các cháu xin được ở với bố là Lê Bá Q.

Theo xác minh tại Công an xã T: Chị Nguyễn Thị Đ đăng ký thường trú tại xóm Đ, thôn V, xã T, thành phố Hải Phong; hiện chị Đ không có mặt tại địa phương đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan.

Theo xác minh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an thành phố Hải Phòng: Chị Nguyễn Thị Đ, xuất cảnh gần nhất ngày 07/5/2017, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hải Phòng trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Q, xử cho anh Q ly hôn chị Đ; Về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Ngọc T, Lê Hải N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Anh Q phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ đăng ký thường trú và có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn V, xã T, thành phố Hải Phòng, hiện đang làm việc, sinh sống tại nước ngoài. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Hải Phòng.

Bị đơn được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Bá Q, chị Nguyễn Thị Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/4/2010 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã T, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp. Anh Q trình bày từ năm 2017 chị Đ đi lao động ở Đài Loan, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, từ cuối năm 2018 anh và chị Đ không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng sống ly thân. Đến nay xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Đ. Chị Đ đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc,

không thể hiện quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Nguyễn Văn C là anh trai của chị Đ trình bày về tình trạng hôn nhân của chị Đ, anh Q phù hợp với lời khai của anh Q. Do đó đủ cơ sở xác định quá trình anh Q, chị Đ chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Đ đi lao động ở nước ngoài thời gian dài, vợ chồng không ở cùng nhau, không còn quan tâm, liên lạc với nhau và đã sống ly thân từ năm 2018. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q, chị Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, xử cho anh Q ly hôn chị Đ.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Q, chị Đ có 02 con chung là Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/7/2009 và Lê Hải N, sinh ngày 27/12/2013. Anh Q xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay các con chung đang ở cùng anh Q, môi trường sống đã ổn định, cháu T, cháu N đều đã trên 7 tuổi, trình bày nguyện vọng xin được ở với bố. Chị Đ đang lao động ở nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con. Do đó HĐXX, chấp nhận yêu cầu của anh Q giao 2 con chung Lê Nguyễn Ngọc T, Lê Hải N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Bá Q, xử cho anh Lê Bá Q ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/7/2009 và Lê Hải N, sinh ngày 27/12/2013 cho anh Lê Bá Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Anh Lê Bá Q phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0002985 ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, anh Q đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 12 - Hải Phòng;
- Đương sự;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã T, TP Hải Phòng (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy